TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN BIÊN
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 61/2024/DS-ST
Ngày 10 - 7- 2024
"*V/v Tranh chấp hụi*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Thơm.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thanh Nguyên và bà Trần Thu Trang

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Nguyễn Văn Mau – Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên tỉnh Kiên Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa*:** Bà Lai Thị Ngọc Thúy – kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Biên tỉnh Kiên Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 124/2024/TLST-DS ngày 06 tháng 3 năm 2024 về việc "Tranh chấp hụi" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 136/2024/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên toà số 95/2024/QĐST-DS ngày 02 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1989

Địa chỉ: Ấp Đ, xã Đ, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang. (Có mặt).

2. Bị đơn: Bà Phan Ngọc T1, sinh năm 1974 và ông Nguyễn Thanh H, sinh năm 1975

Địa chỉ: Ấp Đ, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết tại Tòa án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:

Vào ngày 20/4/2022, ông T có tham gia dây hụi do bà T làm chủ hụi. Dây hụi có 42 phần (chân) hụi mỗi phần hụi trị giá 1.000.000 đồng, một tháng xổ 02 lần vào ngày 05 và ngày 20 hàng tháng. Ông T tham gia chơi 01 chân hụi và ông T đã đóng hụi được 21 lần bằng số tiền 21.000.000 đồng thì bà T tuyên bố bể hụi. Sau khi bể hụi bà T

trả cho ông T được 3.000.000 đồng và còn nợ lại 18.000.000 đồng. Tuy nhiên tại buổi hoà giải ngày 19/11/2023 của Ban lãnh đạo ấp Đông Thành xã Đông Thái bà T1 cho rằng còn nợ của ông T 14.960.000 đồng nhưng bà T1 xin trả nợ dần mỗi tháng 300.000 đồng và không được ông T chấp nhận.

Theo đơn khởi kiện ông T yêu cầu vợ chồng ông H và bà T1 trả số tiền hụi còn nợ 14.960.000 đồng.

Tại phiên hòa giải và tại phiên tòa ông T thay đổi yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu bà T1 trả số tiền hụi 11.960.000 đồng và không tiếp tục yêu cầu ông H trả số tiền hụi cùng bà T1.

Ông T không có yêu cầu tính lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền đối với bà T1.

Trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án, bà Phan Ngọc T1 có ý kiến trình bày như sau:

Vào năm 2022 bà T1 có làm chủ hụi, ông T tham gia một dây hụi nửa tháng có 42 phần hụi, mỗi phần hụi trị giá 1.000.000 đồng. Ông T tham gia 01 chân hụi đã đóng hụi sống được 21 lần, sau đó các thành viên trong dây hụi sau khi đã hốt hụi không tiếp tục đóng hụi và bà T1 không có tiền để tràn hụi nên dây hụi bị bể.

Sau khi bể hụi bà T1 với ông T có thỏa thuận tiền hụi bà T1 còn nợ ông T số tiền 14.960.000 đồng, sau đó bà T1 có trả cho ông T được số tiền hụi 3.000.000 đồng và hiện nay còn nợ lại số tiền 11.960.000 đồng. Hiện nay do hoàn cảnh gia đình khó khăn nợ nhiều người nên bà T1 xin trả dần một tháng 300.000 đồng cho đến khi hết số nợ trên.

Qua yêu cầu khởi kiện và ý kiến của các đương sự đã thống nhất và không thống nhất với nhau các vấn đề sau:

Thống nhất: Ông T và bà T1 cùng thống nhất xác nhận ông T có chơi hụi do bà T1 làm chủ hụi. Đến nay bà T1 có trách nhiệm trả cho ông T 11.960.000 đồng tiền nợ hụi. Các đương sự cùng xác nhận việc chơi hụi không có sổ sách ghi chép chung mà bà T1 ghi danh sách người chơi hụi và giao cho các hụi viên.

Không thống nhất: Ông T yêu cầu bà T1 trả số tiền 11.960.000 đồng trong thời gian 3 tháng còn bà T1 xin trả một tháng 300.000 đồng. Các đương sự không thống nhất được phương án trả nợ.

Kết quả thu thập chứng cứ:

Chứng cứ do nguyên đơn cung cấp: Biên bản hòa giải tranh chấp hụi lập ngày 19/1/2023 của Ban lãnh đạo ấp Đông Thành (Bản chính), danh sách hụi viên (bản photo). Bị đơn không cung cấp chứng cứ.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử, Thẩm phán, thư ký phiên tòa và các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các bị đơn. Không có kiến nghị về phần thủ tục tố tụng.

Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bà T1 trả cho ông T1 số tiền nợ hụi là 11.960.000 đồng và đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện đối với ông Nguyễn Thanh H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Thẩm quyền giải quyết vụ án và quan hệ pháp luật tranh chấp: Tranh chấp phát sinh từ giao dịch dân sự và các đương sự đều có nơi cư trú trên địa bàn huyện An Biên, căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Biên và quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là "Tranh chấp hụi".

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, ông T thay đổi yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu bà T1 phải hoàn trả số tiền hụi là 11.960.000 đồng và xin rút lại yêu cầu khởi kiện đối với ông H, cụ thể không tiếp tục yêu cầu ông H có trách nhiệm liên đới trả số nợ cùng với bà T1. Việc thay đổi yêu cầu khởi kiện và rút một phần yêu cầu khởi kiện không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu, căn cứ vào Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận việc thay đổi yêu cầu khởi kiện và rút một phần yêu cầu khởi kiện của ông T.

Tại phiên tòa các bị đơn vắng mặt không có lý do sau khi đã được Toà án triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai, căn cứ vào khoản 2 điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử thống nhất xét xử vắng mặt đối với các bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Theo xác nhận của ông T và bà T1, vào năm 2022 ông T có tham gia dây hụi nửa tháng do bà T1 làm chủ hụi, các đương sự thống nhất với nhau về thời gian áp hụi, số phần hụi, giá trị từng phần hụi trong dây hụi. Các đương sự cũng thống nhất việc ông T đã đóng hụi nhưng sau khi bể hụi bà T1 không thực hiện việc trả đủ tiền hụi cho tới nay.

Quá trình giải quyết vụ án ông T và bà T1 đã thống nhất được với nhau về số tiền hụi mà bà T1 còn nợ của ông T là 11.960.000 đồng. Ngoài sự thống nhất về số nợ trong quá trình giải quyết vụ án còn có các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án như biên bản hòa giải ngày 19/11/2023 của ban lãnh đạo ấp Đông Thành được các bên thừa nhận là những chứng cứ để xác định bà T1 có nợ tiền hụi của ông T là sự thật và yêu cầu khởi kiện của ông T là có căn cứ.

Do bà T1 vi phạm nghĩa vụ của chủ hụi đối với thành viên góp hụi, căn cứ vào Điều 471 Bộ luật dân sự và Điều 18 Nghị Định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính Phủ về Họ, hụi, biêu, phường cần buộc bà T1 phải trả cho ông T số tiền hụi 11.960.000 đồng.

Bà T1 đề nghị được trả nợ dần mỗi tháng 300.000 đồng cho đến khi hết nợ nhưng không được ông T đồng ý do đó không có cơ sở để chấp nhận đề nghị trả nợ dần của bị đơn.

[3] Về lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền: Ghi nhận ý kiến của nguyên đơn không yêu cầu tính lãi suất chậm trả tiền.

[4] Về ý kiến phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng và đề nghị hướng giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát huyện An Biên tại phiên tòa là có cơ sở và căn cứ pháp luật nên Hội đồng xét xử đã xem xét và ghi nhận trong quá trình giải quyết vụ án.

[5] Về án phí của vụ án: 11.960.000 đồng x 5% = 598.000 đồng.

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên cần buộc bị đơn nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Ông Nguyễn Văn T được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 375.000 đồng.

***Vì các lẽ trên*;**

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 471 Bộ luật Dân sự 2015;

- Điều 18 Nghị Định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính Phủ về Họ, hụi, biêu, phường;

- Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T.

Buộc bà Phan Ngọc T1 có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn T số tiền nợ hụi là 11.960.000 đồng (Mười một triệu, chín trăm sáu mươi nghìn đồng). Nghĩa vụ trả nợ được thực hiện khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Về lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền: Ghi nhận ý kiến của ông Nguyễn Văn T không yêu cầu bà Phan Ngọc T1 phải trả lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện về yêu cầu nghĩa vụ trả nợ đối với ông Nguyễn Thanh H do ông Nguyễn Văn T rút yêu cầu khởi kiện đối với ông Nguyễn Thanh H.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bà Phan Ngọc T1 phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 598.000 đồng (Năm trăm chín mươi tám nghìn đồng).

Hoàn trả cho ông Nguyễn Văn T số tiền đã nộp tạm ứng án phí là 375.000 đồng (Ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0003160 ngày 05/4/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Biên.

4. Quyền kháng cáo: Báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án là ngày 10/7/2024. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

"*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc*

bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự"./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- TAT;
- VKS An Biên;
- THADS;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ.

(Đã ký)

Đinh Thị Thơm